

Số: /SCT-TM

Đồng Nai, ngày tháng 01 năm 2024

V/v báo cáo nhanh giá một số
mặt hàng thiết yếu ngày 31/01/2024
(21/12 Âm lịch).

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn số 1958/BCT-TTTN ngày 08/3/2011 về việc báo cáo hàng ngày về các mặt hàng thiết yếu; Công văn số 2373/BCT-TTTN ngày 01/4/2020 về việc báo cáo tình hình thị trường, giá cả hàng hóa thiết yếu trong tình hình dịch Covid-19,

Sở Công Thương báo cáo nhanh giá ngày 31/01/2024 (21/12 Âm lịch) của một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Biên Hòa (Chợ Biên Hòa)		Long Khánh (Chợ Long Khánh)		Long Thành (Chợ Long Thành)		Tân Phú (Chợ Phương Lâm)	
			Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01
1	Gạo dẻo thơm Long An	1.000đ/kg	19	0	20	0	19	0	20	0
2	Gạo thơm Lài	1.000đ/kg	20	0	20	0	19	0	19	0
3	Gạo ST 25	1.000đ/kg	30	0	26	0	28	0	27	0
4	Gạo nếp Sáp	1.000đ/kg	20	0	20	0	19	0	20	0
5	Gạo nếp Thái	1.000đ/kg	35	0	35	0	25	0	25	0
6	Thịt heo nạc	1.000đ/kg	110	0	100	0	100	0	100	0
7	Thịt heo đùi	1.000đ/kg	90	0	80	0	90	0	90	0
8	Thịt heo ba rọi	1.000đ/kg	130	0	110	0	110	0	110	0
9	Thịt bò phôiê	1.000đ/kg	300	0	300	0	290	0	280	0
10	Thịt bò bắp	1.000đ/kg	250	0	280	0	260	0	230	0
11	Thịt gà công nghiệp lông trắng	1.000đ/kg	60	0	55	0	50	0	60	0
12	Thịt gà (lông màu)	1.000đ/kg	140	0	70	0	100	0	140	-
13	Cá lóc (loại 0,5kg/con)	1.000đ/kg	70	0	65	0	65	0	60	0
14	Cá diêu hồng	1.000đ/kg	70	0	60	0	60	0	60	0
15	Giò lụa	1.000đ/kg	-	-	100	0	200	0	-	0

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Biên Hòa (Chợ Biên Hòa)		Long Khánh (Chợ Long Khánh)		Long Thành (Chợ Long Thành)		Tân Phú (Chợ Phương Lâm)	
			Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01
16	Lạp xưởng Vissan (loại 1)	1.000đ/kg	210	0	200	0	240	0	-	-
17	Mực (loại phổ biến)	1.000đ/kg	180	0	250	0	230	0	240	0
18	Tôm (loại phổ biến)	1.000đ/kg	180	0	180	0	190	0	200	0
19	Bắp cải	1.000đ/kg	15	0	17	0	12	0	7,7	0
20	Khoai tây	1.000đ/kg	25	0	22	0	25	0	12	0
21	Cà rốt	1.000đ/kg	25	0	18	0	20	0	10	-2
22	Bí xanh	1.000đ/kg	20	0	17	0	13	0	20	+4
23	Bí đỏ	1.000đ/kg	20	0	12	0	12	0	10	0
24	Đậu xanh (đã chà vỏ)	1.000đ/kg	36	0	48	0	35	0	36	0
25	Trứng gà công nghiệp (loại 1)	1.000đ/chục	25	0	25	0	35	0	25	0
26	Trứng vịt (loại 1)	1.000đ/chục	33	0	35	0	36	0	30	0
27	Sữa ông Thọ	1.000đ/hộp	24	0	25	0	24	0	24	0
28	Đường trắng RE Biên Hoà	1.000đ/kg	27	0	25	0	28	0	28	-
29	Nước mắm Chinsu 500ml	1.000đ/chai	45	0	40	0	43	0	45	0
30	Nước tương Chinsu chai 250ml	1.000đ/chai	12	0	12	0	12	0	11	0
31	Dầu ăn Tường An	1.000đ/lít	40	0	42	0	41	0	40	0
32	Bột ngọt Ajinomoto (450g)	1.000đ/kg	35	0	33	0	32	0	35	0
33	Hạt dưa lớn	1.000 đ/kg	80	-	150	-	170	-	150	-
34	Hạt hướng dương	1.000 đ/kg	-	-	70	-	80	-	-	-
35	Mứt bí	1.000 đ/kg	120	-	80	-	70	-	100	-
36	Mứt dừa	1.000 đ/kg	120	-	100	-	100	-	100	-
37	Mứt hạt sen	1.000 đ/kg	180	-	150	-	130	-	150	-
38	Mứt gừng	1.000 đ/kg	150	-	80	-	140	-	150	-
39	Dưa hấu dài (trên,	1.000 đ/kg	-	-	17	-	15	-	-	-

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Biên Hòa (Chợ Biên Hòa)		Long Khánh (Chợ Long Khánh)		Long Thành (Chợ Long Thành)		Tân Phú (Chợ Phương Lâm)	
			Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01
	dưới 4kg/quả)									
40	Dưa hấu tròn (trên, dưới 7kg/quả)	1.000 đ/kg	-	-	-	-	14	-	-	-
41	Bia 333	1.000đ/thùng	280	-	-	-	295	-	280	-
42	Bia Tiger	1.000đ/thùng	350	-	350	-	365	-	350	-
43	Bia Heineken	1.000đ/thùng	450	-	165	-	440	-	450	-
44	Nước ngọt Pepssi	1.000đ/thùng	175	-	165	-	185	-	175	-
45	Nước ngọt Cocacola	1.000đ/thùng	170	-	180	-	185	-	170	-
46	Bưởi da xanh	1.000 đ/chục	1.000	-	-	-	40	-	1.000	-
47	Bưởi đường lá cam	1.000 đ/chục	600	-	-	-	35	-	600	-
48	Hoa Huệ Đà Lạt	1.000 đ/chục	100	-	-	-	90	-	100	0
49	Hoa Đơn (Lay on)	1.000 đ/chục	100	-	50	-	60	-	120	+20
50	Hoa đồng tiền	1.000 đ/chục	60	-	-	-	40	-	70	+10
51	Hoa Cúc	1.000 đ/chục	50	-	45	-	35	-	50	-

2. Giá một số mặt hàng khác

TT	Mặt hàng		Đơn vị tính	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01
1	Xăng dầu (Liên Bộ Tài chính – Bộ Công Thương)	Xăng RON95-III	đ/lít	23.400	0
		Xăng E5RON92		22.170	0
		Điêzen 0,05S		20.370	0
2	Gas Sài Gòn Petro (12kg/bình)		đ/bình	415.000	0
3	Gas Pitimex (12kg/bình)		đ/bình	419.000	0
4	Muối iot (Tập đoàn muối Ninh Thuận)		1.000đ/kg	6	0
5	Thóc (lúa) (thành phố Biên Hòa)		1.000đ/kg	11	0
6	Heo hơi (>80kg/con)	Giá heo hơi chuẩn do Công ty CP cung cấp	1.000đ/kg	56,5	0
		Giá heo hơi tại thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu do Đội QLTT số 2 cung cấp		56	0
		Giá heo hơi tại huyện Trảng Bom, huyện		54	0

TT	Mặt hàng		Đơn vị tính	Ngày 30/01	Tăng, giảm so với ngày 28/01
		Thông Nhất do Đội QLTT số 3 cung cấp			
		Giá heo hơi tại huyện Long Thành, Nhơn Trạch do Đội QLTT số 4 cung cấp		55	0
		Giá heo hơi tại thành phố Long Khánh do Đội QLTT số 5 cung cấp		55,7	0
		Giá heo hơi tại huyện Tân Phú, huyện Định Quán do Đội QLTT số 6 cung cấp		54	0
		Giá heo hơi tại huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ do Đội QLTT số 5 cung cấp		55	0
7	Phân bón (50kg/bao) (Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ)	Ure Phú Mỹ	1.000đ/bao	540	0
		NPK Đầu trâu		1.100	0
8	Xi măng (Thành phố Biên Hòa)	Hà Tiên I - 50 kg	1.000đ/bao	103	0
9	Thép (Biên Hoà, Vĩnh Cửu)	Thép (Ø 6 Việt Nhật)	1.000đ/kg	19	0
		Thép (Ø 6 Hòa Phát)		19	0
10	Thuốc bảo vệ thực vật	Thuốc trừ sâu (loại phổ biến) – Sherpa (huyện Tân Phú, huyện Định Quán)	1.000đ/lọ	95	0
		Thuốc trừ cỏ (loại phổ biến) – SINATE cỏ cháy (Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ)		160	0
11	Thuốc thú y (Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ)	Vacxin LMLM – Aftogen Oleo 25 liều	Lọ/50ml/25 liều	459	0
		Vacxin cúm gia cầm – H5N1 200 liều	Lọ/100ml/500 liều	252	0
12	Thức ăn chăn nuôi (Thương hiệu Cargil loại 25kg/bao) (Trảng Bom, Thống Nhất)	Cám dành cho heo từ tập ăn đến 15kg	1.000đ/bao	475	0
		Cám dành cho heo từ 15 – 30 kg		335	0
		Cám dành cho heo từ 60 kg đến xuất chuồng		325	0
13	Khẩu trang y tế (thành phố Biên Hoà)	Hộp/50 cái (04 lớp)	1.000đ/hộp	40	0

3. Giá một số mặt hàng nông sản

STT	Mặt hàng	Địa bàn	Đơn vị tính	Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01
1	Tiêu	Thành phố Long Khánh	1.000đ/kg	71	0
2	Cà phê		1.000đ/kg	57	0

TT	Mặt hàng (Giá loại 1)	Đơn vị tính	Chợ Đầu mối Dầu Giấy (Thống Nhất)	
			Ngày 31/01	Tăng, giảm so với ngày 30/01
1	Củ tỏi	1.000 đ/kg	37	+5
2	Hành tím	1.000 đ/kg	28	-1
3	Củ cải trắng	1.000 đ/kg	7	0
4	Bí đỏ	1.000 đ/kg	7	0
5	Bắp cải trắng	1.000 đ/kg	9	0
6	Cà chua	1.000 đ/kg	12	0
7	Chuối	1.000 đ/kg	-	-
8	Dưa leo	1.000 đ/kg	8	0
9	Khổ qua	1.000 đ/kg	5	0
10	Khoai lang	1.000 đ/kg	12	0
11	Khoai tây	1.000 đ/kg	10	-1
12	Ớt	1.000 đ/kg	25	0
13	Bông cải trắng	1.000 đ/kg	9	0
14	Bông cải xanh	1.000 đ/kg	8	0
15	Cải bẹ xanh	1.000 đ/kg	8	0
16	Cải thìa	1.000 đ/kg	6	0
17	Cần tây	1.000 đ/kg	15	0
18	Su su	1.000 đ/kg	10	0
19	Xoài Đài Loan	1.000 đ/kg	4	0
20	Xoài keo	1.000 đ/kg	12	0
21	Mít Thái	1.000 đ/kg	-	-
22	Dưa hấu	1.000 đ/kg	10	0
23	Sầu riêng	1.000 đ/kg	-	-
24	Thanh long	1.000 đ/kg	23	+7
25	Quýt	1.000 đ/kg	20	0

4. Đánh giá

a) Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm

Giá một số mặt hàng thiết yếu ngày 31/01/2024 tại các chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tương đối ổn định, riêng giá một số mặt hàng tại chợ Phương Lâm (huyện Tân Phú) có sự biến động, cụ thể:

- Giá cà rốt giảm 2.000 đồng/kg (từ 12.000 xuống 10.000); giá bí xanh tăng 4.000 đồng/kg (từ 16.000 lên 20.000); hoa Đơn (Lay ơn) tăng 20.000 đồng/chục (từ 100.000 lên 120.000); hoa đồng tiền tăng 10.000 đồng/chục (từ 60.000 lên 70.000).

b) Giá một số mặt hàng nông sản

Giá cả một số mặt hàng tại chợ Đầu mối Dầu Giây (huyện Thống Nhất) có sự biến động như sau: Giá củ tỏi tăng 5.000 đồng/kg (tăng từ 32.000 đồng/kg lên 37.000 đồng/kg), giá hành tím giảm 1.000 đồng/kg (giảm từ 29.000 đồng/kg còn 28.000 đồng/kg), giá khoai tây giảm 1.000 đồng/kg (giảm từ 11.000 đồng/kg còn 10.000 đồng/kg), giá thanh long tăng 7.000 đồng/kg (tăng từ 16.000 đồng/kg lên 23.000 đồng/kg).

Trên đây là báo cáo tình hình thị trường, giá cả hàng hóa thiết yếu ngày 31/01/2024 (21/12 âm lịch) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Công Thương kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài chính;
- Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Giám đốc và Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, TM. Sang

**TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Văn Hữu Đồng